

**CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO SMH VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO SMH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SMH VIETNAM EDUCATION & TRAINING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108857103

**3. Ngày thành lập:** 07/08/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 9D, ngõ 276/45 Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Giáo dục nhà trẻ<br>Chi tiết: Nhà trẻ tư thục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8511     |
| 2.  | Giáo dục mẫu giáo<br>Chi tiết: Trường mẫu giáo tư thục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8512     |
| 3.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8531     |
| 4.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8532     |
| 5.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8551     |
| 6.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8552     |
| 7.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe;<br>- Dạy bay;<br>- Đào tạo tự vệ;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Việc cung cấp các dịch vụ không phải dạy học mà là hỗ trợ cho hệ thống hoặc quá trình giảng dạy:<br>+ Tư vấn giáo dục,<br>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>+ Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,<br>+ Dịch vụ kiểm tra giáo dục. | 8560        |
| 9.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                         | 4761        |
| 10. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                   | 4774        |
| 11. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                              | 4785        |
| 12. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                       | 4789        |
| 13. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                   | 7730        |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                               | 4649        |
| 15. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                     | 4690        |
| 16. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hoá thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất   | 7410        |
| 17. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7310        |
| 18. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1811        |
| 19. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(trừ rập khuôn tem)                                                                                                                                                                                                                                                  | 1812        |
| 20. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                                                                                                                                           | 7020        |
| 21. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ hoạt động của những nhà báo độc lập, hoạt động thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, hoạt động tư vấn chứng khoán)                                                                                      | 7490(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ HÀ   | Thôn Đông Thai, Xã Vân Tảo, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | 250.000.000           | 25,000    | 001186005433                                                                                                                                      |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN MINH | Số 21 Tổ dân phố 7, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | 250.000.000           | 25,000    | 001084014194                                                                                                                                      |         |
| 3   | TRƯƠNG VĂN HIỀN | Thôn Nỏ Bạ, Xã Vân Tảo, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | 250.000.000           | 25,000    | 001087002292                                                                                                                                      |         |
| 4   | BÙI NGỌC SƠN    | Thôn Đông Thai, Xã Vân Tảo, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | 250.000.000           | 25,000    | 001087007415                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI NGỌC SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/01/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001087007415

Ngày cấp: 29/07/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đông Thai, Xã Vân Tảo, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đông Thai, Xã Vân Tảo, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội